

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A DƠI**

Số: **834/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

A DơI, ngày 25 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Đường nội thôn Xy từ nhà ông Hà đến nhà
cộng đồng Xy La cũ**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng; Số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng; Số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng; Số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; Số 40/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng; Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phê duyệt danh mục hỗ trợ công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ năm 2026 (đợt 1) từ nguồn ngân sách thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND xã A Dơi phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện công trình Đường nội thôn Xy từ nhà ông Hà đến nhà cộng đồng Xy La cũ;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-KT ngày 07/9/2026 của Phòng Kinh tế xã A Dơi phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường nội thôn Xy từ nhà ông Hà đến nhà cộng đồng Xy La cũ;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 297/TTr-KT ngày 25/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Đường nội thôn Xy từ nhà ông Hà đến nhà cộng đồng Xy La cũ, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. **Tên dự án:** Đường nội thôn Xy từ nhà ông Hà đến nhà cộng đồng Xy La cũ.
2. **Địa điểm xây dựng:** xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị.
3. **Người quyết định đầu tư:** UBND xã A Dơi.
4. **Chủ đầu tư:** Phòng Kinh tế xã.
5. **Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty TNHH ANHICO.
6. **Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông, cấp IV.
7. **Mục tiêu dự án:** Tạo nên mạng lưới giao thông liên hoàn trong khu vực nối liền các tuyến đường nhằm giải quyết việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện mạng lưới giao thông, nâng cao chất lượng cuộc sống.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô đầu tư:

- Chiều dài thiết kế $L=330,0\text{m}$
- Vận tốc thiết kế $V=20\text{Km/h}$
- Mặt cắt ngang: Nền đường rộng $5,0\text{m}$; mặt đường rộng $3,5\text{m}$; lề đường mỗi bên rộng $0,75\text{m}$

- Dốc ngang mặt đường 2%, dốc ngang lề đường 4%
- Tải trọng thiết kế: Trục xe 2,5T (kiểm toán xe vượt tải có tải trọng trục 6,0T)
- Kết cấu mặt đường: Kết cấu mặt đường cứng bằng BTXM gồm các lớp như sau: Lớp mặt đường BTXM M250 đá 2x4 dày 18cm. Lót 01 lớp bạt nilon. Lớp móng dưới bằng CPDD Dmax=37,5 dày 12cm.
- Nền đường: Nền đường, lề đường đắp đất lu lèn $K \geq 0,95$, độ dốc mái taluy nền đào đất cấp 3 taluy 1/1; nền đắp mái taluy 1/1,5
- Thoát nước dọc: Bằng rãnh đất hình thang kích thước (40x40x120)cm. Các vị trí có độ dốc dọc lớn gia cố rãnh bằng BTXM, phần lề đất nằm giữa mặt đường BTXM và rãnh gia cố được gia cố kín giống kết cấu mặt đường.
- Thoát nước ngang: Xây dựng cống bản, quy mô vĩnh cửu.
- Báo hiệu đường bộ: Theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

8.2 Giải pháp thiết kế.

a. Bình đồ tuyến:

Tuyến thiết kế giữ nguyên theo tim đường hiện trạng, nắn chỉnh cục bộ để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

b. Trắc dọc tuyến:

- Thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế: Cao độ điểm đầu, điểm cuối, các đường giao hiện trạng, chiều dày kết cấu áo đường làm mới. Các vị trí bố trí cống và độ dốc dọc tối đa.

c. Trắc ngang tuyến:

- Nền đường rộng 5,0m; trong đó mặt đường rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m;

- Độ dốc ngang: mặt đường 2%, lề đường 4%.

d. Kết cấu mặt đường:

- Kết cấu mặt đường trên cơ sở tải trọng trục tính toán với trục xe 2,5T với áo đường cứng bằng bê tông xi măng. Kết cấu mặt đường bao gồm các lớp như sau:

+ Lớp mặt bằng BTXM M250 đá 2x4, dày 18cm.

+ Lớp nilon chống mất nước xi măng.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm loại II Dmax 37,5 dày 12cm.

e. Nền đường:

- Địa chất khu vực tuyến đi qua ổn định do đó nền đường đắp cấp phối đồi đầm chặt $K \geq 0,95$.

- Trước khi đắp phải phát cây, dây cỏ, đào gốc cây và đào bóc lớp hữu cơ dày 10cm dồn thành đống bốc lên ô tô vận chuyển đổ đi

- Mái taluy đối với nền đắp 1:1,5 và nền đào 1:1,0.

g. Thoát nước dọc:

- Rãnh dọc bằng rãnh đất hở hình thang kích thước (40x40x120)cm.
- Đối với các đoạn độ dốc dọc tuyến $\geq 6\%$, rãnh được gia cố bằng bê tông M150 đá 1x2 dày 8cm, đổ tại chỗ trên lớp lót bạt nilon. Phần lề đất nằm giữa mặt đường BTXM và rãnh gia cố được gia cố kín giống kết cấu mặt đường.

h. Thoát nước ngang:

- Thiết kế mới cống bản khẩu độ 0,5m tại lý trình Km0+3,56, chiều dài cống L=11,0m. Cấu tạo cống bản:
 - + Tấm bản cống dạng lắp ghép bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 16 cm.
 - + Xà mũ cống bằng BTCT M200, đá 1x2.
 - + Tường thân cống, móng cống BTXM M150 đá 2x4, lớp đệm móng bằng cấp phối đá dăm dày 10cm.
 - + Thượng lưu cống dạng hố ga thu nước kích thước lòng hố (1,2x1,0)m, tường hố, móng hố bằng BTXM M150 đá 2x4, lớp đệm móng bằng cấp phối đá dăm dày 10cm.

i. Nút giao, đường giao:

- Các vị trí nút giao, đường giao vượt nối theo bán kính rẽ trái, rẽ phải theo hiện trạng. Kết cấu mặt đường vượt nối theo kết cấu mặt đường của tuyến.

9. Tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 11823:2017: Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ.
- TCVN 10380-2014: Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4054-2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế (tham khảo).
- TCVN 9845:2013: Tiêu chuẩn thiết kế tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- TCVN 8857:2011: Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8859-2023: Lớp móng CPĐD - Thi công và nghiệm thu.
- Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN.
- TCVN 7957:2008: Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước.
- Định hình thiết kế cống tròn, cống bản: 533-01-01; 69-34X.
- TCNV 9436:2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- TCVN 5575:2024: Kết cấu thép.
- TCVN 9202:2012: Xi măng xây trát.
- Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31: 2020/TCĐBVN.
- TCN: 96 TCN 43-90 - Quy phạm đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành.
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong XDCT, yêu cầu chung.

- QCVN11:2008/BTNMT - QCKT Quốc gia về xây dựng lưới độ cao.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm hiện hành ngành có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư: 1.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 829.521.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 30.681.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 118.518.000 đồng
- Chi phí khác: 21.280.000 đồng

11. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

12. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách xã năm 2026 (Sự nghiệp kinh tế).

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Phòng Kinh tế xã và các phòng, ban liên quan tổ chức triển khai thực hiện đúng theo chế độ, chính sách áp dụng và quy định hiện hành: Đảm bảo quản lý đầu tư xây dựng, hiệu quả nguồn vốn, thanh toán chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và các hạng mục chi phí khác của công trình đúng chất lượng, khối lượng thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Trần Trọng Kim